

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng K, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GCD, xã NVK, huyện PT, tỉnh CM.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GCD, xã NVK, huyện PT, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2023, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn ông Phạm Hồng K trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2006, ông và bà Trần Thị N tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn được. Ông và bà Trần Thị N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa ông và bà Trần Thị N không thể sống chung với nhau được. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Hoàng N (giới tính nam), sinh ngày 29 tháng 6 năm 2007 và Phạm Mỹ Y (giới tính nữ), sinh ngày 08 tháng 6 năm 2008. Ông yêu cầu nuôi dưỡng Phạm Hoàng N,

yêu cầu giao Phạm Mỹ Y cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2023, bị đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn và thời gian không còn chung sống với nhau đúng như ông Phạm Hồng K trình bày. Nay ông Phạm Hồng K yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung có 02 người tên là Phạm Hoàng N (giới tính nam), sinh ngày 29 tháng 6 năm 2007 và Phạm Mỹ Y (giới tính nữ), sinh ngày 08 tháng 6 năm 2008. Bà đồng ý nuôi dưỡng Phạm Mỹ Y và đồng ý giao Phạm Hoàng N cho ông Phạm Hồng K nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Hồng K yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Trần Thị N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ông Phạm Hồng K với bà Trần Thị N sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Phạm Hồng K xác định quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Phạm Hồng K được ly hôn bà Trần Thị N. Bà Trần Thị N thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Hồng K về thời gian sống chung và việc không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung. Ông Phạm Hồng K yêu cầu ly hôn thì bà Trần Thị N đồng ý ly hôn ông Phạm Hồng K. Ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N sống chung với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Phạm Hồng K với bà Trần Thị N có 02 người con chung tên Phạm Hoàng N (giới tính nam), sinh ngày 29 tháng 6 năm 2007 và Phạm Mỹ Y (giới tính nữ), sinh ngày 08 tháng 6 năm 2008. Ông Phạm Hồng K yêu cầu được nuôi dưỡng Phạm Hoàng N và yêu cầu giao con chung Phạm Mỹ Y cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị Niềm không ai cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Mỹ Y và

đồng ý giao Phạm Hoàng N cho ông Phạm Hồng K nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 20/3/2023, Phạm Mỹ Y có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Trần Thị N và Phạm Hoàng N có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Phạm Hồng K. Do đó, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phạm Hồng K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 212, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao người con chung tên là Phạm Hoàng N (giới tính nam), sinh ngày 29 tháng 6 năm 2007 cho ông Phạm Hồng K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung tên là Phạm Mỹ Y (giới tính nữ), sinh ngày 08 tháng 6 năm 2008 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện giữa ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Hồng K và bà Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Phạm Hồng K phải chịu. Ông Phạm Hồng K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0018760 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Phạm Hồng K với bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bình